

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-PT  
Ngày: 05-01-2022  
V/v “Tranh chấp chia tài sản chung  
sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Trang.

*Các Thẩm phán:* Bà Ngô Thị Kim Khánh.

Ông Phan Trịnh Minh Đức.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2021/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 394/2021/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4229/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 11299/2021/QĐ-PT ngày 09/12/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Đoàn Kim N, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: 03.04 chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 107 A-B Q, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền công chứng số 05698, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/7/2020 tại Văn phòng công chứng H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Đức T, Luật sư Văn phòng Luật sư Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Địa chỉ: 107 A-B Q, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông Hoàng Cao H, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: 03.04 chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Quảng Khoa T, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: 248 B, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Hoàng Cao H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Đoàn Kim N có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà Đoàn Kim N và ông Hoàng Cao H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận G ngày 31/5/2012. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn bà N đã nộp đơn xin ly hôn. Tại Bản án số 348/2019/HNGĐ-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận T : Chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Kim N xin ly hôn ông Hoàng Cao H; Về con chung giao 02 con chung Hoàng Cao K và Hoàng Cao K1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Về tài sản chung bà N và ông H tự thỏa thuận; Về nợ chung bà N và ông H tự khai không có. Sau khi ly hôn hai bên không thỏa thuận được về việc chia tài sản chung là căn hộ 03.04 chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà N khởi kiện ông H yêu cầu chia tài sản chung là căn hộ 03.04 chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích sàn 73,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 195313, số vào sổ cấp GCN: CH01529 do Ủy ban nhân dân Quận T cấp ngày 30/8/2012, đứng tên ông Hoàng Cao H, bà Đoàn Kim N.

Bằng cách chia bà N đồng ý giao căn hộ 03.04 chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông H được quyền sở hữu và ông H phải giao cho bà N trị giá nhà và đất tương ứng số tiền 719.799.000 đồng, theo kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản T thì giá trị quyền sở hữu căn hộ là 1.439.598.000 đồng.

Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn ông Hoàng Cao H trình bày:

Vào năm 2011, ông H có mua căn hộ 03.04 chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bằng số tiền riêng của ông H. Trong thời gian hoàn tất thủ tục ly hôn với vợ đầu tiên, ông H có quen và đề nghị bà N đứng tên mua giùm căn hộ 03.04 chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2012, ông H kết hôn với bà N và ông H cho bà N đứng tên chung, xác lập căn hộ số 03.04

chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh diện tích sàn 73,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 195313, số vào sổ cấp GCN: CHO1529 do Ủy ban nhân dân Quận T cấp ngày 30/8/2012, đứng tên ông Hoàng Cao H, bà Đoàn Kim N. Do đó tài sản trên là tài sản riêng của ông H và bà N không có công sức đóng góp nên ông H đồng ý hỗ trợ cho bà N số tiền 200.000.000 đồng. Ông H không đồng ý chia tài sản chung.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 394/2021/HNGĐ-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Đoàn Kim N đối với ông Hoàng Cao H.

Tài sản chung của bà Đoàn Kim N và ông Hoàng Cao H là căn hộ 03.04 chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, diện tích sàn 73,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 195313, số vào sổ cấp GCN: CHO1529 do Ủy ban nhân dân Quận T cấp ngày 30/8/2012 đứng tên ông Hoàng Cao H, bà Đoàn Kim N với tổng giá trị tài sản là 1.439.598.000 (một tỷ bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm chín mươi tám nghìn) đồng. Chia cho bà Đoàn Kim N được  $\frac{1}{2}$  giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tương ứng số tiền là 719.799.000 (bảy trăm mười chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

Chia cho ông Hoàng Cao H được quyền quản lý sử dụng đất và sở hữu căn hộ 03.04 chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, diện tích sàn 73,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 195313, số vào sổ cấp GCN: CHO1529 do Ủy ban nhân dân Quận T cấp ngày 30/8/2012 đứng tên ông Hoàng Cao H, bà Đoàn Kim N.

Ông Hoàng Cao H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Đoàn Kim N số tiền là 719.799.000 (bảy trăm mười chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo và thi hành án.

Ngày 07/6/2021, ông Hoàng Cao H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Tài sản có được là từ tiền riêng của ông, hình thành trước thời kỳ hôn nhân, ông chỉ nhờ bà Nguyễn tên, bà Nkinh tế rất khó khăn vào thời điểm mua căn hộ nên không thể có tài sản, đề nghị đổi chất với bà Ngọc; Tòa chưa xem xét đến phần công sức đóng góp vào khối tài sản thực tế; Đề nghị Tòa án xem xét những lời khai tại Tòa, không chỉ dựa vào chứng cứ cung cấp; Căn hộ đang tranh chấp đang bị phong tỏa theo quyết định của cơ quan thi hành án nên không thể phân chia được. Do đó ông H yêu cầu: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; Phân chia tài sản lại và công nhận căn hộ là tài sản riêng của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

*\* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị M trình bày: Yêu cầu y án sơ thẩm.*

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị y án sơ thẩm.*

*\* Ông Hoàng Cao H trình bày: Ông rút một phần kháng cáo về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, ông kháng cáo yêu cầu công sức đóng góp vào khối tài sản chung, ông đồng ý hỗ trợ bà Ngọc số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.*

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn kháng cáo: Ông Hoàng Cao H kháng cáo đúng thời hạn luật định.

- Về nội dung kháng cáo: Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H. Đề nghị y án sơ thẩm.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Cao H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Hoàng Cao H làm trong thời hạn luật định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Cao H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời khai của ông Hiền, bà Nthì căn hộ 03.04 chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, diện tích sàn 73,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145 được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 195313, sổ vào sổ cấp GCN: CHO1529 do Ủy ban nhân dân Quận T cấp ngày 30/8/2012 đứng tên ông Hoàng Cao H, bà Đoàn Kim N cùng đứng tên sở hữu. Do đó, có cơ sở kết luận tài sản trên là tài sản chung của ông Hoàng Cao H và bà Đoàn Kim N theo quy định tại Điều 33, Điều 34 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét, ông H kháng cáo yêu cầu xem xét công sức đóng góp vào khối tài sản thực tế Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông H, bà N đều thừa nhận, sau khi kết hôn cả hai đã đồng ý xác lập tài sản chung để cả hai cùng đứng tên thể hiện ý chí tự nguyện của ông H, bà N. Ông H không chứng minh được công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập và phát triển khối tài sản chung trong khi cả ông Hiền, bà N đều có công sức đóng góp trong tài sản chung nên án sơ thẩm giải quyết chia theo hiện vật căn hộ 03.04 chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích sàn 73,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145 cho ông Hiền, bà N nhận ½ giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tương ứng số tiền là 719.799.000đ (bảy trăm mười chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng) là có căn cứ, phù hợp với Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, kháng cáo của ông H không có căn cứ chấp thuận.

Đối với tài liệu, chứng cứ ông H nộp kèm theo đơn kháng cáo là Giấy vay vốn ngân hàng của bà N (Bản photocopy), Bản tường trình và bản photocopy chứng minh nhân nhân của ông Phạm Bá Thủy. Hội đồng xét xử nhận thấy, Bản tường trình của ông Phạm Bá Thủy khai biết rõ mối quan hệ của ông H, bà N và vụ việc bà N đứng tên giùm, tiền mua căn hộ chung cư ở Quận T hoàn toàn là của ông H nhưng không ghi rõ căn hộ nào, không có kèm tài liệu chứng cứ nào thể hiện mối quan hệ của ông Thủy với bà N và ông Hiền, cùng không có chứng cứ chứng minh căn hộ chung cư ở Quận T là căn hộ ông H bà N đang tranh chấp trong vụ án này; Bản photocopy Giấy vay vốn của bà N đề ngày 07/12/2007 cũng không đủ căn cứ để thể hiện việc căn hộ đang tranh chấp là nhờ bà N đứng tên giùm, tiền mua căn hộ hoàn toàn là của ông H. Do đó, không có cơ sở cho rằng ông Phạm Bá Thủy là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này như lời trình bày của bị đơn.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn chỉ cung cấp bản photocopy Quyết định số 124/QĐ-CCTHA ngày 21/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cũng như nêu trong nội dung đơn kháng cáo thể hiện Quyết định trên có nội dung tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đối với căn hộ 03.04

chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh do ông Hiên vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng theo bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, không liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận lời trình bày của bị đơn là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Do đó, giữ nguyên bản án sơ thẩm như lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo ông Hoàng Cao H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 394/2021/HNGĐ-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Đoàn Kim N đối với ông Hoàng Cao H.

Tài sản chung của bà Đoàn Kim N và ông Hoàng Cao H là căn hộ 03.04 chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, diện tích sàn 73,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 195313, số vào sổ cấp GCN: CHO1529 do Ủy ban nhân dân Quận T cấp ngày 30/8/2012 đứng tên ông Hoàng Cao H, bà Đoàn Kim N với tổng giá trị tài sản là 1.439.598.000đ (một tỷ bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Chia cho bà Đoàn Kim N được  $\frac{1}{2}$  giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tương ứng số tiền là 719.799.000 (bảy trăm mười chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn) đồng. Chia cho ông Hoàng Cao H được  $\frac{1}{2}$  giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà.

Ông Hoàng Cao H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Đoàn Kim N số tiền là 719.799.000đ (bảy trăm mười chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng ) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Sau khi ông Hoàng Cao H thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính thì ông được quyền liên hệ các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục đăng bộ sang tên căn hộ 03.04 chung cư T 3441A P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích sàn 73,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 195313, số vào sổ cấp GCN: CHO1529 do Ủy ban nhân dân Quận T , Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/8/2012 cho ông H.

## 2. Về án phí:

### 2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Kim N phải chịu 32.791.960 (ba mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn chín trăm sáu mươi) đồng, được trừ vào số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0012026 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T , Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đoàn Kim N còn phải nộp thêm số tiền 22.791.960 (hai mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn chín trăm sáu mươi) đồng.

Ông Hoàng Cao H phải chịu 32.791.960 (ba mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn chín trăm sáu mươi) đồng

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Cao H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0046349 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T , Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Hoàng Cao H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND Quận T ;
- VKSND Quận T ;
- Chi cục THADS Quận T ;
- Các đương sự;
- Lưu: TGD, hồ sơ, (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Trang**





**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Trịnh Minh Đức**

**Ngô Thị Kim Khánh**

**Đoàn Thị Trang**

